|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số: /TTr-BTC | *Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025* |

**Dự thảo lần 1**

**TỜ TRÌNH**

**Ban hành Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý,**

**tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 205/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2025 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương[[1]](#footnote-1); nhiệm vụ được Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giao tại Quyết định số 105/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về ban hành Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025[[2]](#footnote-2), Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung chính như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Hoàn thiện quy định quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước (được gọi là Nghị quyết số 190/2025/QH15):**

Căn cứ quy định tại khoản 2[[3]](#footnote-3) Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ thông qua Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, trong đó quy định về thẩm quyền quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Điều 5 của Nghị định; hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2027. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước[[4]](#footnote-4), chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công[[5]](#footnote-5), điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước[[6]](#footnote-6) trong quá trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.

Đồng thời, tại khoản 4 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định *“4. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm đồng thời tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung quy định tại văn bản hành chính hoặc nội dung đã ủy quyền ban hàn*h.*”*. Do vậy, cần thiết xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã được quy định để điều chỉnh các quy định, hướng dẫn nêu trên đảm bảo hành lang pháp lý thống nhất trong tổ chức thực hiện.

**2. Hoàn thiện khung khổ pháp lý về quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo phù hợp với quy định Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Đầu tư công năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), đáp ứng yêu cầu của Quốc hội**

a) Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (được sửa, đổi bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội) được Quốc hội thông qua thay thế Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019. Trong đó, các quy định về nội dung, yêu cầu, quy trình lập, phê duyệt, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm đã điều chỉnh theo hướng tăng cường phân cấp, trao quyền hoặc một số nội dung quy định Chính phủ quy định chi tiết, như:

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 bỏ các quy định về: kế hoạch tài chính nhà nước 03 năm; số kiểm tra; các nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách; … Những quy định mới này cần cập nhật, điều chỉnh cho từng quy trình quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Luật Đầu tư công năm 2024 giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ chưa quy định chi tiết cho lập kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia. Do vậy, cần thiết bổ sung quy định chi tiết, phù hợp với quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời, bổ sung thêm quy trình tổng hợp, đề xuất nhu cầu trước khi cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia và quy trình tại địa phương để chủ động, kịp thời đề xuất cân đối, bố trí nguồn lực cho trung hạn giai đoạn 5 năm, hằng năm và phù hợp với đặc điểm, tính chất quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia. Nội dung quy định này phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại khoản 10 Điều 59 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

b) Tại các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện trong giai đoạn 2026-2030, Quốc hội đã giao Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Cụ thể:

- Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, Quốc hội giao Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ: *“a) Ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình;”* và *“b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế rút gọn đối với một số dự án đầu tư để thực hiện Chương trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, chủ yếu theo hình thức Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần kinh phí, phần còn lại do Nhân dân đóng góp, có sự tham gia giám sát của Nhân dân;”*.

- Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, Quốc hội giao Chính phủ các nhiệm vụ: *“a) Chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình;”* và *“b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đặc thù;”*.

Do vậy, cần thiết cập nhật, bổ sung quy định để cụ thể hóa yêu cầu của Quốc hội nhằm hoàn thiện khổ pháp luật trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

## 3. Cụ thể hóa chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường phân cấp, trao quyền tạo sự chủ động cho các địa phương tự quyết định, tự chịu trách nhiệm trong từng quy trình, nội dung quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Điều chỉnh, bổ sung làm rõ nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để thống nhất chủ trương tăng cường phân cấp, trao quyền cho các địa phương. Trong đó nhấn mạnh nguyên tắc: *“Bảo đảm phân cấp triệt để các nhiệm vụ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ tập trung thực hiện nhiệm vụ ban hành cơ chế, chính sách, quản lý, kiểm tra, giám sát các chương trình ở tầm vĩ mô; các địa phương chủ động quyết định, tự chị trách nhiệm lựa chọn nội dung, phân bổ nguồn lực, giải pháp tổ chức thực hiện từng chương trình.”*.

b) Hoàn thiện nội dung, quy trình thực hiện công tác lập, giao, điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm tại trung ương và địa phương theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, rõ đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện thừng khâu trong quy trình.

c) Hoàn thiện nội dung quy định về chế huy động, phân bổ nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo phân định rõ phạm vi, thẩm quyền của từng cấp trong tổ chức thực hiện.

d) Hoàn thiện quy định của cơ chế đặc thù trong quản lý dự án đầu tư quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp phù hợp với thẩm quyền đã được phân định tại các cấp địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp quy định tại Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP.

d) Hoàn thiện, bổ sung, làm rõ từng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng cơ quan trung ương chỉ tập trung thực hiện công tác xây dựng thể chế, truyền thông, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn; các địa phương trực tiếp thực hiện các nội dung, hoạt động, nhiệm vụ của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

đ) Hoàn thiện nội dung, quy trình, phương pháp thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá và giám sát thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền.

# II. VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (thay thế các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) phù hợp với giải pháp triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030[[7]](#footnote-7) ban hành theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; phù hợp với quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; phù hợp với chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại các Nghị quyết số 162/2024/QH15, Nghị quyết số 163/2024/QH15.

# III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

## 1. Mục đích

Tạo khung khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia.

## 2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Cụ thể hóa các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo phù hợp với đặc điểm riêng của chương trình mục tiêu quốc gia; thể chế hóa yêu cầu của Quốc hội tại các Nghị quyết thông qua chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; trách nhiệm phối hợp của các bộ, ngành và các cấp ở địa phương; vai trò giám sát của cộng đồng trong quản lý và điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; bổ sung giải pháp chính sách đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho đia phương tự quyết định, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tai địa phương; đồng thời đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình và giảm thiếu sự trùng chéo trong thực hiện.

# IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 giao tại Quyết định số 105/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 22 tháng 7 năm 2025, Bộ Tài chính đã phối hợp với các cơ quan liên tiến hành xây dựng dự thảo *Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia* theo trình tự rút gọn. Cụ thể:

1. Tổ chức đánh giá, tổng kết các quy định có liên quan đến quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025:

Bộ Tài chính có các văn bản số 4898/BTC-ĐT ngày 15 tháng 4 năm 2025, số 5216/BTC-ĐT ngày 21 tháng 4 năm 2025 gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị tổ chức đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời, đề xuất cơ chế quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia cho giai đoạn mới.

2. Xây dựng dự thảo Nghị định:

Bộ Tài chính chủ động nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng, đấu thầu và các quy định liên quan và tiến hành các quy trình đánh giá nội bộ để hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định.

3. Tổ chức lấy ý kiến các đối tượng có liên quan:

Bộ Tài chính đã có văn bản số ……/BTC-PTHT ngày … tháng 8 năm 2025 gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương, địa phương vào dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân và các đối tượng chịu tác động.

4. Tổng hợp ý kiến, hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định:

Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Nghị định trước khi gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Chi tiết tổng hợp các ý kiến góp ý của bộ, cơ quan trung ương và địa phương và nội dung tiếp thu, giải trình của Bộ Tài chính được tổng hợp tại Phụ lục … kèm theo.

7. Gửi Hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số …./BTC-PTHT ngày … tháng … năm 2025 của Bộ Tài chính. Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức họp thẩm định dự thảo Nghị định vào ngày … tháng … năm 2025 và có Báo cáo thẩm định số …/BCTĐ-BTP ngày … tháng … năm 2025 của Bộ Tư pháp.

8. Hoàn thiện Hồ sơ trình dự thảo Nghị định:

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; các ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số …../BC-BTC ngày … tháng … năm 2025 của Bộ Tài chính*.*

# V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được kết cấu thành 8 Chương, gồm 62 điều trên cơ sở rà soát, kế thừa quy định tại các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; bổ sung, chỉnh sửa quy định mới phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15), Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; Nghị quyết số 190/2025/QH15 và các Nghị quyết của Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư từng chương trình mục tiêu quốc gia và khắc phục một số tồn tại, hạn chế rút ra từ quá trình thực hiện trong giai đoạn 2021-2025. Cụ thể như sau:

1. Chương I. “Quy định chung”, gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4). Nội dung Chương này quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó cụ thể hóa chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền của Ban Chấp hành Trung ương thông qua nguyên tắc *“Phân cấp rõ nhiệm vụ, thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với chính quyền địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan trung ương ban hành cơ chế, chính sách, quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện các chương trình; các địa phương quyết định lựa chọn nội dung, phân bổ nguồn lực, giải pháp tổ chức thực hiện từng chương trình.”*.

2. Chương II. “Lập, phê duyệt, giao, điều chỉnh kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm” gồm 06 điều (từ Điều 5 đến Điều 10). Trong đó:

a) Quy định lập, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm (Điều 5, Điều 6) theo hướng quy định chi tiết quy trình từ khâu đề xuất nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn đến khâu phân bổ, giao, ban hành kế hoạch triển khai ở các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trong đó bổ sung các quy định:

- Quy trình, trách nhiệm của chủ chương trình thực hiện đề xuất nhu cầu bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm của từng chương trình đồng thời với quá trình hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm theo hướng Thủ tướng Chính phủ phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm thực hiện từng chương trình theo tổng vốn của từng chương trình theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Thường trực Chính phủ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho cấp xã quyết định việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 5 năm chi tiết đến danh mục dự án thành phần, dự án đầu tư công thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nội dung ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cơ quan chủ quản chương trình tại trung ương và địa phương.

b) Quy định về trình tự lập, quyết định dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công hằng năm (Điều 7) trong đó phân bổ, giao dự toán kế hoạch vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương theo nguyên tắc Thủ tướng Chính phủ giao tổng dự toán, kế hoạch theo chương trình; địa phương quyết định phân bổ chi tiết.

c) Bổ sung quy định về tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Điều 8) để làm rõ thời hạn thực hiện việc phân bổ, giao, tổ chức thực hiện; nội dung báo cáo; nguyên tắc và trách nhiệm xử lý khi bộ, cơ quan trung ương và địa phương không phân bổ, giải ngân vốn được Thủ tướng Chính phủ giao.

d) Tiếp tục thực hiện phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng trong lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại cấp xã (Điều 9) để đảm bảo có sự tham gia của người dân theo nguyên tắc nhà nước và nhân dân cùng làm.

đ) Bổ sung quy định về điều chỉnh kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm (Điều 10) để hoàn thiện nội dung, xử lý các kiến nghị đề xuất của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Chương III. “Huy động và sử dụng nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia”, gồm 06 điều (từ Điều 11 đến Điều 15). Nội dung quy định kế thừa các giải pháp đảm bảo huy động, sử dụng từng nguồn vốn trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương, bao gồm: cân đối, bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước (Điều 11) và cơ chế đặc thù trong sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách (Điều 12); giải pháp lồng ghép nguồn vốn (Điều 13), huy động vốn tín dụng (Điều 14), huy động vốn hợp pháp khác (tại Điều 15). Trong đó bổ sung các quy định mới:

a) Về nguyên tắc phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (tại khoản 2 Điều 11) được điều chỉnh theo hướng:

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo nguyên tắc trung ương phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo tổng vốn từng chương trình; bộ, cơ quan trung ương và địa phương quyết định phân bổ chi tiết, lựa chọn nội dung, giải pháp thực hiện.

- Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) cho các cơ quan, đơn vị, cấp trực thuộc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

b) Về cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia.

**Phương án 1:** Bổ sung, chỉnh sửa quy định về cơ chế đặc thù phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, tách quy định cơ chế đặc thù thành 01 Điều thuộc Chương III.

**Phương án 2:** bãi bỏ quy định cơ chế đặc thù.

Lý do:

- Cơ chế đặc thù được đưa vào Nghị định số 38/2023/NĐ-CP để bổ sung cơ sở pháp lý để sử dụng vốn đầu tư công hỗ trợ người dân vùng dân tộc xây nhà ở thuộc dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, cơ chế này chưa thống nhất, không đơn giản quy trình thủ tục như cơ chế sử dụng vốn sự nghiệp hỗ trợ người dân trên địa bàn các huyện nghèo xây nhà ở thuộc Dự án 5 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Theo báo cáo, các địa phương chỉ áp dụng cơ chế để giải ngân vốn đầu tư công thuộc Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025; không ban hành chính sách mới áp dụng cơ chế này. Đồng thời, hầu hết các địa phương đề xuất thống nhất thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở bằng kinh phí thường xuyên.

- Theo tài liệu Hội nghị tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề xuất sử dụng vốn sự nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho đối tượng người dân tộc thiểu số; không đề xuất sử dụng vốn đầu tư công để hỗ trợ.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các chủ chương trình, các địa phương, Bộ Tài chính đề xuất thực hiện theo Phương án …

c) Bổ sung phương thức huy động vốn tín dụng chính sách thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các đia phương thông qua thực hiện cơ chế ủy thác vốn ngân sách địa phương theo quy định Luật Đầu tư công năm 2024.

4. Chương IV. “Cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp”, gồm 07 điều (từ Điều 16 đến Điều 22). Nội dung quy định tại chương này trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP theo đề nghị của Bộ Xây dựng; đồng thời, bổ sung, điều chỉnh thẩm quyền của cấp huyện về cấp xã theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP, tiêu chí lựa chọn dự án án đặc thù. Trong đó, tiêu chí lựa chọn dự án đặc thù dự kiến thực hiện theo 03 phương án:

a) **Phương án 1**: Xác định tiêu chí lựa chọn dự án thực hiện cơ chế đặc thù căn cứ vào yếu tố kỹ thuật, không quy định giá trị tổng mức đầu tư dự án tại Nghị định. Trong đó:

- Dự án có kỹ thuật không phức tạp theo quy định của **pháp luật xây dựng** hoặc có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp tỉnh.

- Đồng thời, giao chủ chương trình quy định giá trị tổng mức đầu tư dự án được áp dụng cơ chế đặc thù theo nội dung từng chương trình, không quy định giá trị tuyệt đối về tổng mức đầu tư dự án tại Nghị định của Chính phủ.

b) **Phương án 2:** Xác định tiêu chí lựa chọn dự án thực hiện cơ chế đặc thù căn cứ vào yếu tố kỹ thuật, chỉ xác định loại dự án phù hợp để áp dụng cơ chế đặc thù, không quy định tiêu chí tổng mức đầu tư dự án. Trong đó:

- Giao Bộ Xây dựng quy định chi tiết tiêu chí kỹ thuật xác định dự án có kỹ thuật không phức tạp đối với các dự án đầu tư xây dựng.

- Giao Bộ quản lý chuyên ngành (như Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế,…) quy định chi tiết tiêu chí kỹ thuật xác định dự án có kỹ thuật không phức tạp đối với các dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

- Chủ chương trình quy định tiêu chí loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù áp dụng trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo phù hợp với đặc thù từng ngành, lĩnh vực.

c) **Phương án 3:** Giữ nguyên quy định hiện hành. Theo đó, dự án được áp dụng cơ chế đặc thù phải có tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 05 tỷ đồng; có kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp tỉnh và thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Trên cở sở tổng hợp ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Tài chính đề xuất theo Phương án …

5. Chương V. “Cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia”, gồm 05 mục, 21 điều (từ Điều 23 đến Điều 43). Nội dung của chương này được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung quy định tại khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và bổ sung quy định làm rõ các kiến nghị của các địa phương trong giai đoạn 2021-2025; đồng thời bãi bỏ những nội dung quy định về quy trình, nội dung, yêu cầu không còn phù hợp với thực tiễn hoặc chưa phát huy hiệu quả trên thực tiễn. Trong đó:

a) Bổ sung quy định nguyên tắc quản lý tài sản hình thành từ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất để tháo gỡ những bất cập trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2021-2025.

b) Bổ sung Mục 2 (từ Điều 25 đến Điều 29) quy định cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên cơ sở sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP để làm rõ điều kiện lựa chọn, mẫu hồ sơ, quy trình lựa chọn, cơ chế hỗ trợ, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Trong đó:

- Bổ sung quy định mẫu hồ sơ đề xuất dự án để thống nhất triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước theo đề xuất của các địa phương; đồng thời, tiếp tục thực hiện cơ chế phân cấp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mẫu biểu cụ thể, phân công tổ chức đầu mối thực hiện, quy trình đề xuất phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Bãi bỏ các quy định về mẫu hồ sơ, trình tự thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất tại các bộ, cơ quan trung ương để triển khai thống nhất nguyên tắc cơ quan trung ương chỉ ban hành cơ chế, chính sách, kiểm tra, đánh giá, đào tạo, hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Bổ sung quy định cụ thể cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án, trong đó:

+ Phương thức hỗ trợ bao gồm: (i) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho đơn vị chủ trì liên kết tự triển khai thực hiện các hoạt động của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án; (ii) hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ cho đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết thông qua chủ trì trì liên kết; (iii) kết hợp phương thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, hiện vật, cung ứng dịch vụ.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với nội dung của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án đảm bảo phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của địa phương.

c) Bổ sung Mục 3 (từ Điều 30 đến Điều 34) trên cơ sở sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP. Trong đó:

- Bổ sung mẫu hồ sơ đề xuất dự án thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước và đáp ứng kiến nghị của các địa phương; đồng thời, tiếp tục phân cấp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mẫu hồ sơ, cơ quan đơn vị thực hiện, quy trình thực hiện phù hợp với thực tiễn của địa phương.

- Bổ sung quy định cụ thể cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án. Trong đó:

+ Phương thức hỗ trợ bao gồm: (i) hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho đại diện tổ, nhóm cộng đồng tự triển khai thực hiện các hoạt động của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án; (ii) hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ cho tổ, nhóm cộng đồng; (iii) kết hợp cả phương thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền và phương thức hỗ trợ hiện vật, cung ứng dịch vụ.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với nội dung của từng chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án đảm bảo phù hợp với khả năng huy động nguồn lực của địa phương.

- Bãi bỏ quy định hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng để giảm thủ tục, quy trình, tạo sự chủ động, đáp ứng kiến nghị của các địa phương trong tổ chức thực hiện.

d) Bổ sung Mục 4 (từ Điều 35 đến Điều 39) trên cơ sở sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP để làm rõ điều kiện, cơ chế thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong trường hợp không lựa chọn được dự án liên kết theo chuỗi giá trị hay dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

đ) Bổ sung Mục 5 (từ Điều 40 đến Điều 43) trên cơ sở sử đổi, bổ sung, điều chỉnh quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP để làm rõ điều kiện, cơ chế thực hiện dự án phát triển sản xuất theo cơ chế đặc thù.

6. Chương VI. “Tổ chức quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia”, gồm 05 điều (từ Điều 44 đến Điều 48). Nội dung của chương này cụ thể chức năng quản lý về chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công, làm rõ giải pháp nâng cao năng lực quản lý, thực hiện và truyền thông về chương trình mục tiêu quốc gia cấp cơ sở, tại cộng đồng để cụ thể hóa nguyên tắc “phân cấp, trao quyền” theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

7. Chương VII. “Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và giám sát chương trình mục tiêu quốc gia”, gồm 05 điều (từ Điều 49 đến Điều 53). Nội dung Chương này cụ thể hóa quy định Luật Đầu tư công về theo dõi, kiểm tra, đánh giá và giám sát đối với các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó:

a) Quy định nội dung cụ thể về theo dõi, kiểm tra chương trình gắn với từng chủ thể quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (tại Điều 49) và phù hợp với quy định tại Điều 75 Luật Đầu tư công năm 2024.

b) Quy định nội dung cụ thể về đánh giá chương trình (tại Điều 50) và phù hợp với quy định tại Điều 76 Luật Đầu tư công năm 2024.

c) Bổ sung quy định về phương pháp thực hiện theo dõi, kiểm tra, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia để thống nhất cơ sở pháp lý trong triển khai thực hiện từ trung ương tới địa phương.

8. Chương VIII. “Tổ chức thực hiện”, gồm 09 điều (từ Điều 54 đến Điều 62). Nội dung quy định của Chương này để phân định rõ trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình trình mục tiêu quốc gia; điều khoản chuyển tiếp; điều khoản thi hành và thời hạn hiệu lực.

Chi tiết thuyết minh cơ sở xây dựng Dự thảo Nghị định tại Phụ lục …; giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan Trung ương tại Phụ lục ….

# VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Sau khi Nghị định được ban hành, nguồn lực và điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định không thay đổi so với các quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

# VII. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC LỒNG GHÉP, VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VÀ SỰ TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

1. Dự thảo Nghị định bãi bỏ 01 quy định về thủ tục hành chính giữa cơ quan nhà nước và đối tượng ngoài nhà nước trong tổ chức thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; 01 quy trình, thủ tục trong thực hiện cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

2. Dự thảo Nghị định không có yếu tố gây bất bình đẳng giới và không trái với điều ước quốc tế có liên quan mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**VIII. GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Ngày … tháng … năm 2025, Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số …/BCTĐ-BTP. Theo đó, Bộ Tư pháp thống nhất trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (thay thế các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); đồng thời, có một số ý kiến góp ý cụ thể. Bộ Tài chính đã giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm Bộ Tư pháp tại Báo cáo số …./BC-BTC ngày … tháng … năm 2025.

**IX. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và các đối tượng chịu tác động, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định. Kính trình Chính phủ phê duyệt và ban hành Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

*(Hồ sơ trình dự thảo Nghị định trình kèm theo Tờ trình bao gồm: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; (3) Báo cáo so sánh , thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo đánh giá về thủ tục hành chính; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (6) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và Báo cáo tiếp thu , giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (7) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan về dự thảo Nghị định và văn bản góp ý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương)./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên (kèm TL theo Danh mục);  - Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP (để b/c);  - Các Bộ, cơ quan Trung ương: VPCP, TP, NNMT, DTTG, XD, CA, QP, CT, YT, NV, NHNN;  - Bộ Tài chính: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị: NSNN, KTN, VI, KTĐP, ĐCTC, PC, QLCS, QLĐT, CNTT, KBNN; - Lưu: VT, PTHT( b) | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thắng** |

1. Tại Nghị quyết số 205/NQ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2025, Chính phủ giao các bộ, cơ quan trung ương *“Tiếp tục rà soát, kịp thời ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật, hướng dẫn về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.”.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Tại Quyết định số 105/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 22 tháng 7 năm 2025, Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính *“Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (thay thế các Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) theo trình tự, thủ tục rút gọn”*. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội quy định *“2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Kiểm toán nhà nước, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.”*. [↑](#footnote-ref-3)
4. Tại văn bản số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. [↑](#footnote-ref-4)
5. Tại văn bản số 4738/BTC-TH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tại văn bản số 4928/BTC-KBNN ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. [↑](#footnote-ref-6)
7. Các chủ trương: “Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn về nếp sống tới từng thôn, bản, ấp, hộ gia đình và cuộc sống trực tiếp của mỗi người dân sinh sống ở nông thôn”; “Quan tâm phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”; “Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo bằng các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo; hạn chế bất bình đẳng xã hội”… [↑](#footnote-ref-7)